TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST Ngày 07/3/2023. V/v: Tranh chấp về HN và GĐ	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Tuyết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Công Định;
2. Bà Hoàng Thị Phụng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh H1.

- Bị đơn: Anh Phan Văn V1, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn Q, xã V2, thành phố T, tỉnh T.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị Bùi Thị V và anh Phan Văn V1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị V trình bày và có yêu cầu như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị V và anh Phan Văn V1 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2013 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh H1. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau, từ năm 2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị V xác định không còn tình cảm với anh V1. Chị V đề nghị Tòa án giải

quyết cho chị V được ly hôn anh V1. Anh V1 đã biết chị V xin ly hôn, anh V1 đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là con Phan Tuấn K, sinh ngày 30/3/2009. Vợ chồng ly hôn, chị V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Phan Tuấn K. Con K cũng có nguyện vọng ở với chị V. Chị V không yêu cầu anh V1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung, không vay nợ chung và cũng không cho ai vay nợ. Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

** Bị đơn anh Phan Văn V1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh V1 và chị Bùi Thị V tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2013 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh H1. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp. Nay anh V1 và chị V đều xác định vợ chồng không còn tình cảm. Chị V xin ly hôn, anh V1 đồng ý. Các văn bản Tòa án gửi cho anh V1 đề nghị Tòa án gửi cho chị dâu anh V1 là chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1982, trú tại thôn T2, xã V2, thành phố T, tỉnh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phan Tuấn K, sinh ngày 30/3/2009. Ly hôn, anh V1 đồng ý để cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng con Phan Tuấn K. Con K cũng có nguyện vọng ở với chị V. Anh V1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và cũng không cho ai vay nợ. Anh V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

** UBND xã V2, thành phố T cung cấp*:

Anh Phan Văn V1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V2, anh V1 và chị V có đăng kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh H1. Sau khi kết hôn anh V1 và chị V chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì vợ chồng không nhờ các đoàn thể ở địa phương hòa giải. Vợ chồng có một con chung, hiện tại con chung đang ở cùng chị V. Vợ chồng có tài chung hay không, có vay nợ chung hay không thì địa phương không biết. Việc chị V có đơn xin ly hôn anh V1, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:*

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tống đạt các văn

bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, có bản tự khai, giao nộp các tài liệu, chứng cứ và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị V và anh Phan Văn V1.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Tuấn K, sinh ngày 30/3/2009, chị V không yêu cầu anh V1 cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị V tự nguyện nộp cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng: Chị Bùi Thị V và anh Phan Văn V1 đều có đơn đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt chị V và anh V1.

II. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh V1 được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị V và anh V1 đều trình bày là vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị V xin ly hôn, anh V1 đồng ý ly hôn. Xét thấy trên thực tế cuộc sống chung giữa chị V và anh V1 đã không còn tồn tại, tình yêu thương đối với nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị V và anh Phan Văn V1.

[2] Về nuôi con chung: Chị V và anh V1 có một con chung là Phan Tuấn K, sinh ngày 30/3/2009. Ly hôn chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V1 cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu K cũng có nguyện vọng ở với chị V, anh V1 đồng ý để chị V trực tiếp nuôi con Phan Tuấn K, việc cấp dưỡng cho con không đặt ra giải quyết vì chị V không yêu cầu. Anh V1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về chia tài sản: Chị V và anh V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị V tự nguyện nộp cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị V và anh Phan Văn V1.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Bùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Tuấn K, sinh ngày 30/3/2009, anh V1 không phải cấp dưỡng cho con chung. Anh Phan Văn V1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị V tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0001323 ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại chị V 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị V và anh Phan Văn V1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ hay được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- UBND xã H, huyện L, tỉnh H1 (GCNKH số 52 quyển số 01/2013 ngày 23/12/2013);
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Chu Thị Tuyết